

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 22/01/2019
V/v Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giáp Văn Phẩm.

2. Ông Vũ Ngọc Côn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nhường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa:
Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 410/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp “Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lại Thị T** - Sinh năm 1976.

Trú quán: Thôn T – Xã N - huyện LN - Bắc Giang.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T** - Sinh năm 1970.

- Trú quán: Thôn K - Xã T - huyện LN - Bắc Giang.

Chị T anh T cùng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2019 và những lời khai của nguyên đơn chị Lại Thị T, lời khai của bị đơn anh Nguyễn Văn T và trong quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

Chị Lại Thị T và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 1993. Sau một thời gian chung sống đến tháng 3 năm 2004 chị T và anh T mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N - huyện LN - Bắc Giang. Trước khi kết hôn hai bên có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo đúng phong tục địa phương.

Sau ngày cưới, chị T anh T về chung sống cùng nhau ngay và ở tại thôn Thôn T – Xã N - huyện LN - Bắc Giang. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Chị T cho rằng chỉ được một thời gian ngắn hai vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau làm cho cuộc sống căng thẳng, không có hạnh phúc. Đến năm 2013 chị chuyển về thôn T, xã N, huyện LN, Bắc Giang sinh sống chị và anh T sống ly thân từ đó đến nay. Anh T cho rằng năm 2002 chị T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, đến 2004 về nước hai vợ chồng sống hòa thuận. Đến năm 2016 chị T tự ý đi làm ăn không hỏi ý kiến anh từ đó đến nay chị T không liên lạc gì với anh. Nay chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T chị đề nghị xin được ly hôn với anh T. Anh T cũng xác định không còn tình cảm với chị T, chị T xin ly hôn anh đồng ý.

- Về con chung: Chị T anh T có hai con chung là Nguyễn Bảo N - Sinh ngày 15/06/1994 và cháu Nguyễn Mai N - Sinh ngày 10/12/2000. Vợ chồng ly hôn vì các con đã trưởng thành nên chị T anh T không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung: Chị T anh T xác định có tài sản chung nhưng không đề nghị toà án giải quyết.

- Về công nợ: Chị T anh T xác định không liên quan vay nợ nên không đề nghị toà án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T anh T đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Tòa án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự. Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lại Thị T.

Cho chị Lại Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Lại Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn, con chung với anh Nguyễn Văn T. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị T và anh T đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T anh T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 1993. Sau khi về chung sống với nhau đến năm 2004 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, đến nay không ai còn quan T tới ai. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T anh T đều xác nhận vợ chồng không còn quan T, trong cuộc sống có mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã ly thân với nhau một thời gian dài. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh T đồng ý ly hôn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T anh T mâu thuẫn là có thật, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị T đối với anh T. Cho chị T được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị T anh T có hai con chung là Nguyễn Bảo N - Sinh ngày 15/06/1994 và cháu Nguyễn Mai N - Sinh ngày 10/12/2000. Vợ chồng ly hôn vì các con đã trưởng thành nên chị T anh T không đề nghị Tòa án giải quyết về con chung. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị T anh T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Lại Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

** Vì các lẽ trên.*

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lại Thị T.

1. Cho chị Lại Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Chị Lại Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền dự phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số: AA/2018/0005217 ngày 13/12/2018. Khoản tiền này chuyển thành án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Bắc Giang
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã TL, huyện LN, tỉnh Bắc Giang
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Văn Thế